

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 310

Số báo danh:

- Câu 41.** Nhà máy thủy điện nào sau đây **không** thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?
A. A Vương. B. Thác Bà. C. Hòa Bình. D. Tuyên Quang.
- Câu 42.** Hoạt động nào sau đây **không** thuộc ngành công nghiệp năng lượng nước ta?
A. Khai thác dầu khí. B. Sản xuất điện. C. Khai thác than. D. Khai thác bôxít.
- Câu 43.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất nước ta?
A. Sông Cả. B. Sông Hồng. C. Sông Đồng Nai. D. Sông Thái Bình.
- Câu 44.** Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta đang chuyển dịch theo hướng
A. đa dạng hóa sản phẩm công nghiệp. B. tăng tỉ trọng công nghiệp khai thác.
C. tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp. D. giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- Câu 45.** Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là
A. tây nam - đông bắc. B. tây bắc - đông nam.
C. bắc - nam. D. tây - đông.
- Câu 46.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Trung Quốc cả trên đất liền và trên biển?
A. Lạng Sơn. B. Quảng Ninh. C. Cao Bằng. D. Hà Giang.
- Câu 47.** Phát biểu nào sau đây đúng với giao thông đường bộ (đường ô tô) ở nước ta hiện nay?
A. Mạng lưới đường được mở rộng. B. Tập trung chủ yếu ở dọc ven biển.
C. Chưa hội nhập vào đường xuyên Á. D. Phương tiện hầu hết cũ kĩ, lạc hậu.
- Câu 48.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào sau đây?
A. Đông Bắc Bộ. B. Tây Bắc Bộ.
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung và Nam Bắc Bộ.
- Câu 49.** Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất
A. cận nhiệt đới gió mùa. B. ôn đới gió mùa.
C. cận xích đạo gió mùa. D. nhiệt đới ẩm gió mùa.
- Câu 50.** Dân tộc nào sau đây chiếm tỉ lệ lớn nhất trong dân số nước ta?
A. Mường. B. Kinh. C. Ê-đê. D. Tày.
- Câu 51.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Dung Quất thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Quảng Ngãi. B. Phú Yên. C. Bình Định. D. Quảng Nam.
- Câu 52.** Một trong những đặc điểm của vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta là
A. khả năng thu hút vốn đầu tư còn nhiều hạn chế.
B. có tỉ trọng nhỏ trong tổng GDP của quốc gia.
C. phạm vi gồm nhiều tỉnh, ranh giới ổn định.
D. tạo ra tốc độ phát triển nhanh cho cả nước.
- Câu 53.** Nguyên nhân chính dẫn đến ngập lụt ở Trung Bộ vào tháng IX - X là do
A. địa hình thấp hơn mực nước biển. B. không có đê sông ngăn lũ.
C. mưa lớn và triều cường. D. mưa bão lớn và lũ nguồn về.

Câu 54. Tại Bắc Trung Bộ hiện nay, rừng giàu tập trung nhiều nhất ở các tỉnh

- A. Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế. B. Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế.
C. Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình. D. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

Câu 55. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
B. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP. Hồ Chí Minh.
C. Số tháng có nhiệt độ trên 20°C ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội.
D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 56. Mùa khô ở miền Bắc nước ta không sâu sắc như ở miền Nam là do ở đây có

- A. tuyết rơi. B. gió lạnh. C. sương muối. D. mưa phùn.

Câu 57. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất của Tây Nguyên để trồng các cây công nghiệp lâu năm là có

- A. nguồn nước sông, hồ dồi dào. B. địa hình tương đối bằng phẳng.
C. đất badan màu mỡ, rộng lớn. D. mùa khô và mùa mưa rõ rệt.

Câu 58. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm giảm tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp trong cơ cấu lao động của nước ta hiện nay?

- A. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.
B. Tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
C. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh.
D. Cơ sở hạ tầng ngày càng được hoàn thiện.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Cửa Đạt được xây dựng trên sông nào sau đây?

- A. Sông Lô. B. Sông Cả. C. Sông Chu. D. Sông Gâm.

Câu 60. Mùa đông ở khu vực Đông Bắc nước ta thường

- A. đến muộn và kết thúc muộn. B. đến sớm và kết thúc sớm.
C. đến muộn và kết thúc sớm. D. đến sớm và kết thúc muộn.

Câu 61. Phát biểu nào sau đây đúng với sự phát triển công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ hiện nay?

- A. Cơ sở năng lượng đã đáp ứng đủ nhu cầu. B. Hình thành chuỗi các trung tâm ở ven biển.
C. Chủ yếu phát triển các ngành công nghệ cao. D. Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng dồi dào.

Câu 62. Điểm giống nhau về điều kiện sinh thái nông nghiệp của Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là

- A. khí hậu phân hóa rõ theo độ cao. B. có bán bình nguyên rộng lớn.
C. địa hình cao nguyên xếp tầng. D. có mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

Câu 63. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta?

- A. Phần lớn sản phẩm tiêu dùng tại chỗ. B. Đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất.
C. Gắn liền với công nghiệp chế biến. D. Sử dụng ngày càng nhiều máy móc.

Câu 64. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với trung tâm công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Nhiều trung tâm ra đời trong quá trình công nghiệp hóa.
B. Hải Phòng, Vũng Tàu, Cần Thơ là các trung tâm rất lớn.
C. Trung tâm TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội có ý nghĩa quốc gia.
D. Hầu hết các trung tâm đều có nhiều ngành công nghiệp.

- Câu 65.** Điều kiện nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển du lịch biển ở nước ta?
- A. Vị trí gần đường hàng hải quốc tế. B. Vùng biển rộng, giàu tài nguyên.
C. Cơ sở hạ tầng kĩ thuật được đầu tư. D. Nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp.

Câu 66. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 - 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

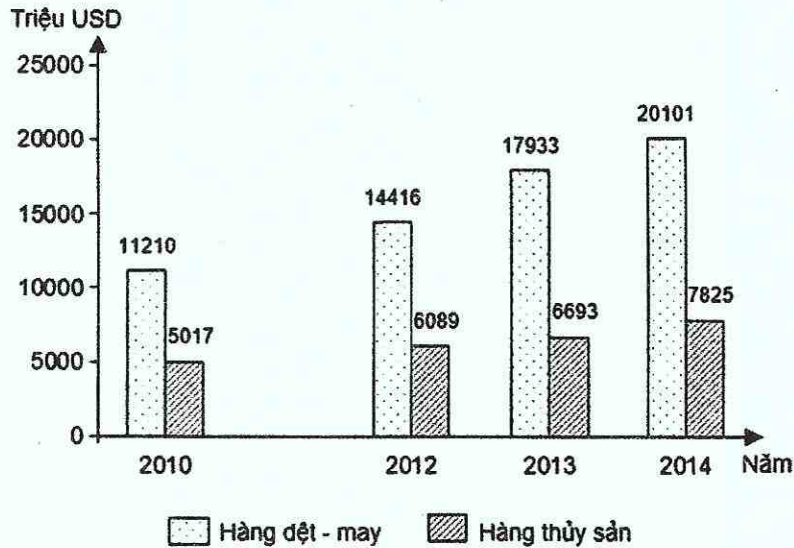
Năm	Khai thác	Nuôi trồng
2005	1 987,9	1 478,9
2010	2 414,4	2 728,3
2012	2 705,4	3 115,3
2014	2 920,4	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Nuôi trồng tăng nhiều hơn khai thác.
B. Khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng.
C. Khai thác và nuôi trồng tăng đều nhau.
D. Khai thác luôn lớn hơn nuôi trồng.
- Câu 67.** Kim ngạch nhập khẩu của nước ta tăng lên khá nhanh trong những năm gần đây **không** phản ánh chủ yếu điều gì sau đây?
- A. Nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn. B. Sản xuất phục hồi và phát triển.
C. Đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. D. Chất lượng nguồn lao động cao.
- Câu 68.** Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?
- A. Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.
B. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.
C. Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.
D. Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.
- Câu 69.** Vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là
- A. đẩy mạnh đánh bắt các loài cá quý có giá trị cao.
B. phát triển mạnh chế biến theo hướng hàng hóa.
C. tăng cường nuôi trồng thủy sản ở tất cả các tỉnh.
D. khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- Câu 70.** Yếu tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta có cơ cấu đa dạng?
- A. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và cơ sở vật chất kĩ thuật phát triển.
B. Nhiều thành phần kinh tế cùng sản xuất và nguyên liệu phong phú.
C. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn và nhiều thành phần kinh tế tham gia.
- Câu 71.** Nguyên nhân nào sau đây làm cho Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước?
- A. Lao động có trình độ cao. B. Trữ lượng thủy sản lớn.
C. Diện tích mặt nước rộng lớn. D. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

Câu 72. Cho biểu đồ về xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm:

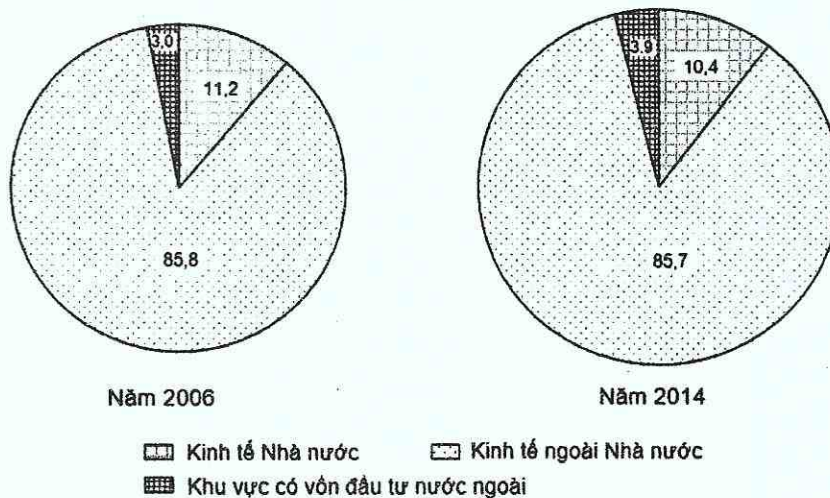


(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Khối lượng xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.
- B. Cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.
- C. Giá trị xuất khẩu hàng dệt - may, hàng thủy sản nước ta qua các năm.
- D. Tốc độ tăng xuất khẩu hàng dệt - may, thủy sản nước ta qua các năm.

Câu 73. Cho biểu đồ:



CƠ CẤU LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2006 VÀ 2014 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng lao động đang làm việc của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2014 so với năm 2006?

- A. Kinh tế Nhà nước tăng, Kinh tế ngoài Nhà nước giảm.
- B. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều giảm.
- C. Kinh tế ngoài Nhà nước giảm, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.
- D. Kinh tế Nhà nước giảm, Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

Câu 74. Cây chè được trồng nhiều ở Tây Nguyên, chủ yếu là do nơi đây có

- A. tổng lượng mưa trong năm lớn.
- B. một mùa mưa và khô rõ rệt.
- C. khí hậu mát mẻ ở các cao nguyên cao.
- D. khí hậu khá nóng ở các cao nguyên thấp.

Câu 75. Đặc điểm nào sau đây đúng với chế độ mưa của vùng ven biển Trung Bộ?

- A. Mưa tập trung nhất vào mùa hạ. B. Mùa mưa dài nhất trong cả nước.
C. Mưa nhiều vào thời kì thu đông. D. Mưa đều giữa các tháng trong năm.

Câu 76. Nhân tố nào sau đây có tính quyết định đến sự phân bố dân cư nước ta hiện nay?

- A. Trình độ phát triển kinh tế. B. Quá trình xuất, nhập cư.
C. Lịch sử khai thác lãnh thổ. D. Tài nguyên thiên nhiên.

Câu 77. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2014

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2014
Tổng số	100,0	100,0
Lúa đông xuân	41,2	39,9
Lúa hè thu	32,5	35,0
Lúa mùa	26,3	25,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện cơ cấu diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta, năm 2010 và 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Đường. C. Cột. D. Miền.

Câu 78. Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong phát triển lâm nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. mở rộng diện tích rừng sản xuất. B. khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ rừng.
C. phát triển các khu dự trữ tự nhiên. D. mở rộng diện tích các vườn quốc gia.

Câu 79. Điều kiện tự nhiên thuận lợi nhất về khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là có

- A. vùng biển diện tích rộng. B. nhiều bãi triều, đầm phá.
C. các ngư trường trọng điểm. D. nhiều vịnh biển, cửa sông.

Câu 80. Biện pháp chủ yếu nhất góp phần làm giảm thiểu rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ở nước ta là

- A. tăng cường chuyên môn hóa sản xuất. B. đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp.
C. phát triển nền nông nghiệp cổ truyền. D. đầu tư thâm canh, luân canh, tăng vụ.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

